TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

Ông Trương Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa***: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1981.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày*: Vào năm 2006 chị và anh Nguyễn Văn C có chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng chưa đăng ký kết hôn từ đó cho tới nay. Thời gian đầu cuộc sống chung có hạnh phúc và có 01 con chung, nhưng đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cải vả, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Dương C1, sinh ngày 29/5/2007, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung C1, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày*: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị Huỳnh Thị L. Vào năm 2006 anh và chị Huỳnh Thị L chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng chưa có đăng ký kết hôn từ đó cho tới nay. Ban đầu cuộc sống chung có hạnh phúc và có 01 con chung, nhưng đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn với chị Huỳnh Thị L.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Dương C1, sinh ngày 29/5/2007, anh thống nhất giao con chung là C1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C. Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dương C1, sinh ngày 29/5/2007, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn

có nơi cư trú tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị L và anh C có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, nhưng từ khi chung sống cho tới nay hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh C, nhưng anh C cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do chị L và anh C không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của anh chị được.

Tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

*"**Điều 9. Đăng ký kết hôn***

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiên theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Đồng thời tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định:

*"**Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn***

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Xét thấy, chị L và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Dương C1, sinh ngày 29/5/2007. Nay chị L và anh C thống nhất thỏa thuận cho chị L được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Dương C1 (Cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung C1 muốn được sống với mẹ). Anh C không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh C là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị L phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị L và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương C1, sinh ngày 29/5/2007. Chị Huỳnh Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Dương C1. Anh Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai số 0008784 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh